

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐẠT KẾT QUẢ XÉT NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2024 - 2025

(Xét nâng ngạch khi có thành tích trong hoạt động công vụ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Chức vụ	Đơn vị đang công tác	Thành tích đạt được trong hoạt động công vụ		Lương hiện hưởng			Ngày bổ nhiệm vào ngạch hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch					Ghi chú
		Nam	Nữ				Thành tích xuất sắc đạt được; Quyết định khen thưởng	Kết quả xếp loại chất lượng 03 năm liền kề	Mã số ngạch hiện giữ	Bậc lương	Hệ số lương		Trình độ - chuyên ngành	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
A	Xét nâng ngạch từ Văn thư viên trung cấp (02.008) lên Văn thư viên (02.007): 02 trường hợp																	
I	Sở Y tế																	
1	Võ Thị Thanh Tân		12/10/1986	Kinh	Văn thư viên trung cấp	Phòng Tổ chức - Hành chính, Sở Y tế	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTXS 2022: HTT 2023: HTT	02.008	7	3,06	02/5/2022	Đại học Luật; Trung cấp Hành chính - Văn thư	-	-	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh C	Chứng chỉ tiếng Bahnar
II	Sở Thông tin và Truyền thông																	
2	Đặng Thị Nga		20/5/1987	Kinh	Văn thư viên trung cấp	Phòng Hành chính Tổng hợp, Sở Thông tin và Truyền thông	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTT 2023: HTXS	02.008	7	3,06	20/9/2019	Đại học Hành chính học; GCN bồi dưỡng Nghiệp vụ văn phòng và lưu trữ	-	-	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh A	Chứng chỉ tiếng Bahnar
B	Xét nâng ngạch từ Cán sự (01.004) lên Chuyên viên (01.003): 12 trường hợp																	
I	Sở Tài chính																	
3	Phạm Thị Thu Hồng		09/12/1988	Kinh	Cán sự	Văn phòng Sở Tài chính	- Được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 03/02/2021); - Có 03 năm liền kề được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTXS 2022: HTXS 2023: HTXS	01.004	8	3,26	02/11/2015	Đại học Kế toán; Cao đẳng Quản trị văn phòng; Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ Văn thư, lưu trữ	-	Chuyên viên	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh A	Chứng chỉ tiếng Bahnar

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Chức vụ	Đơn vị đang công tác	Thành tích đạt được trong hoạt động công vụ		Lương hiện hưởng			Ngày bổ nhiệm vào ngạch hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch					Ghi chú
		Nam	Nữ				Thành tích xuất sắc đạt được; Quyết định khen thưởng	Kết quả xếp loại chất lượng 03 năm liền kề	Mã số ngạch hiện giữ	Bậc lương	Hệ số lương		Trình độ - chuyên ngành	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
II	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh																	
4	Bành Đức Hải	13/11/1975		Kinh	Kế toán	Văn phòng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTXS 2023: HTT	01.004	9	4,58	20/01/2000	Đại học Kế toán	Trung cấp	Chuyên viên	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Lào
III	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																	
5	Lê Thanh Hùng	22/10/1979		Kinh	Cán sự	Phòng Thanh tra, pháp chế, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2025) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2022: HTT 2023: HTT 2024: HTXS	01.004	7	3,96	01/01/2021	Kỹ sư Trồng trọt	-	Chuyên viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	GCN chỉ tiếng Bahnar
IV	UBND huyện Đắk Hà																	
6	Đình Thanh Hiếu		08/9/1970	Mường	Cán sự	Phòng Dân tộc, UBND huyện Đắk Hà	Được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (<i>Quyết định số 41/QĐ-CT ngày 18/01/2006</i>) và năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được đánh giá HTT trở lên	2021: HTT 2022: HTT 2023: HTT	01.004	8	4,27	01/8/2000	Đại học Luật	-	Chuyên viên	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B	GCN tiếng Sê Đăng
V	UBND huyện Kon Plông																	
7	Lê Văn Tề	20/10/1983		Kinh	Cán sự	Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Kon Plông	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTXS 2022: HTT 2023: HTT	01.004	4	3,03	19/3/2013	Đại học Luật	Trung cấp	Chuyên viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Bahnar

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Chức vụ	Đơn vị đang công tác	Thành tích đạt được trong hoạt động công vụ		Lương hiện hưởng			Ngày bổ nhiệm vào ngạch hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch					Ghi chú
		Nam	Nữ				Thành tích xuất sắc đạt được; Quyết định khen thưởng	Kết quả xếp loại chất lượng 03 năm liền kề	Mã số ngạch hiện giữ	Bậc lương	Hệ số lương		Trình độ - chuyên ngành	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
8	Lê Đức Thịnh	10/10/1988		Kinh	Cán sự	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Kon Plông	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTT 2023: HTXS	01.004	4	3,03	02/11/2015	Kỹ sư Quản lý đất đai	Trung cấp	Chuyên viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Bahnar
9	Triệu Minh Thành	22/10/1973		Nùng	Cán sự	Thanh tra, UBND huyện Kon Plông	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTXS 2023: HTT	01.004	8	4,27	09/11/2012	Đại học Kế toán	Trung cấp	Chuyên viên	Tin học ứng dụng B	-	GCN tiếng DTTS
VI	UBND huyện Kon Rẫy																	
10	Đào Thanh Sang	04/9/1978		Kinh	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Đăk Tờ Lung (công chức cấp huyện tăng cường về xã)	UBND huyện Kon Rẫy	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTT 2023: HTXS	01.004	7	3,96	01/4/2004	Kỹ sư Quản lý đất đai	Trung cấp	Chuyên viên	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh B	GCN tiếng Bahnar
11	Đặng Vĩnh Phú	07/11/1980		Kinh	Phó Chủ tịch UBND xã Đăk Ruồng (nguyên Phó Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin tăng cường về xã)	UBND huyện Kon Rẫy	- Được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (Quyết định số 163/QĐ-CT ngày 27/3/2012); - Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTT 2023: HTXS	01.004	7	3,96	01/12/2009	Đại học Luật	Cao cấp	Chuyên viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	GCN tiếng Bahnar
12	Trương Thị Mỹ Linh		20/12/1985	Kinh	Cán sự	Phòng Nội vụ, UBND huyện Kon Rẫy	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2025) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2022: HTT 2023: HTT 2024: HTXS	01.004	5	3,34	15/3/2013	Đại học Luật	-	Chuyên viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	GCN tiếng Bahnar

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Chức vụ	Đơn vị đang công tác	Thành tích đạt được trong hoạt động công vụ		Lương hiện hưởng			Ngày bổ nhiệm vào ngạch hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch					Ghi chú
		Nam	Nữ				Thành tích xuất sắc đạt được; Quyết định khen thưởng	Kết quả xếp loại chất lượng 03 năm liền kề	Mã số ngạch hiện giữ	Bậc lương	Hệ số lương		Trình độ - chuyên ngành	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
13	Dương Thị Mỹ Hòa		25/11/1995	Kinh	Cán sự	Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Kon Rẫy	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2025) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2022: HTT 2023: HTT 2024: HTXS	01.004	3	2,72	01/12/2018	Đại học Luật	Sơ cấp	Chuyên viên	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Bahnar
VII	UBND huyện Ngọc Hồi																	
14	Đặng Thị Loan		04/5/1985	Kinh	Kế toán	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Ngọc Hồi	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTXS 2022: HTT 2023: HTXS	01.004	6	3,65	12/9/2009	Đại học Kế toán	Trung cấp	Chuyên viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Xê Đăng
C	Xét nâng ngạch từ Kiểm lâm viên trung cấp (10.228) lên Kiểm lâm viên (10.226): 03 trường hợp																	
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																	
15	Đinh Đức Hậu	11/8/1984		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Hạt Kiểm lâm huyện Đăk Tô, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTXS 2023: HTXS	10.228	10	3,66	09/12/2009	Kỹ sư Lâm sinh	-	Kiểm lâm viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Xê đăng
16	Phùng Thị Vân		18/8/1989	Tày	Kiểm lâm viên trung cấp	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTXS 2022: HTT 2023: HTT	10.228	5	2,66	01/12/2015	Kỹ sư Lâm sinh	-	Kiểm lâm viên	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh C	
17	Nguyễn Thị Lưu Ly		15/7/1985	Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTT 2023: HTXS	10.228	7	3,06	02/11/2015	Kỹ sư Lâm sinh	-	Kiểm lâm viên	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh bậc 2 (A2)	Chứng chỉ tiếng Xê đăng
D	Xét nâng ngạch từ Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật (09.317) lên Kiểm dịch viên động vật (09.316): 01 trường hợp																	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Chức vụ	Đơn vị đang công tác	Thành tích đạt được trong hoạt động công vụ		Lương hiện hưởng			Ngày bổ nhiệm vào ngạch hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch					Ghi chú
		Nam	Nữ				Thành tích xuất sắc đạt được; Quyết định khen thưởng	Kết quả xếp loại chất lượng 03 năm liền kề	Mã số ngạch hiện giữ	Bậc lương	Hệ số lương		Trình độ - chuyên ngành	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																	
18	Nguyễn Văn Minh	12/9/1982		Kinh	Công chức	Phòng Quản lý dịch bệnh, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2025) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2022: HTT 2023: HTT 2024: HTXS	09.317	9	3,46	01/11/2020	Kỹ sư Chăn nuôi	-	Kiểm dịch viên động vật	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh bậc 2 (A2)	Chứng chỉ tiếng Bahnar
E	Xét nâng ngạch từ Kế toán viên trung cấp (06.032) lên Kế toán viên (06.031): 02 trường hợp																	
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn																	
19	Đinh Thị Nhân		25/3/1990	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2025) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2022: HTT 2023: HTT 2024: HTXS	06.032	3	2,72	02/5/2016	Đại học Kế toán	-	Kế toán viên	ƯDCNT T cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Bahnar
20	Ngô Thị Bích Hạnh		19/8/1972	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2025) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2022: HTT 2023: HTT 2024: HTXS	06.032	8	4,27	01/4/2022	Đại học Kế toán	-	Kế toán viên; Chuyên viên	Tin học văn phòng	-	Chứng chỉ tiếng Bahnar

(Danh sách này có 20 trường hợp)

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐẠT KẾT QUẢ XÉT NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN CÁN SỰ NĂM 2024 - 2025
(Xét nâng ngạch khi có thành tích trong hoạt động công vụ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Chức vụ	Đơn vị đang công tác	Thành tích đạt được trong hoạt động công vụ		Lương hiện hưởng			Ngày bổ nhiệm vào ngạch hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch					Ghi chú
		Nam	Nữ				Thành tích xuất sắc đạt được; Quyết định khen thưởng	Kết quả xếp loại chất lượng 03 năm liền kề	Mã số ngạch hiện giữ	Bậc lương	Hệ số lương		Trình độ - chuyên ngành	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
*	Xét nâng ngạch từ Nhân viên (01.005) lên Cán sự (01.004): 02 trường hợp																	
I	Sở Khoa học và Công nghệ																	
1	Trần Thùy Trâm		06/7/1989	Kinh	Nhân viên	Sở Khoa học và Công nghệ	Có 03 năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2025) được xếp loại HTT trở lên, trong đó ít nhất 01 năm ở mức HTXS	2021: HTT 2022: HTT 2023: HTT 2024: HTXS	01.005	8	3,26	01/12/2015	Đại học Kế toán	-	Chuyên viên	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B	Chứng chỉ tiếng Bahnar
II	Văn phòng UBND tỉnh																	
2	Bùi Thị Thanh Thúy		18/3/1986	Kinh	Nhân viên	Phòng Hành chính - Quản trị, Văn phòng UBND tỉnh	Được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 27/9/2022) và có năm liền kề trước năm xét nâng ngạch (2024) được xếp loại HTT trở lên	2023: HTT	01.005	6	2,86	17/02/2022	Đại học Kế toán	-	Chuyên viên	Tin học nghiệp vụ văn phòng	Tiếng Anh B	

(Danh sách này có 02 trường hợp)